

Bản án số: 56/2022/HS-ST
Ngày 30 tháng 05 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh H

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn N.

2. Ông Dương Đình Đ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn G – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/HSST ngày 21/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST - HS ngày 17/5/2022 đối với bị cáo:

Họ tên: **NGUYỄN VĂN U**; Sinh năm 1978, tại P, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố D, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1955; Con bà: Dương Thị B, sinh năm 1958 (đã chết); Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Tại bản án số 45/2017/HSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn U 04 năm tù về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ”. U chấp hành xong án phạt tù ngày 20/6/2020. Chấp hành xong án phí hình sự ngày 29/7/2019.

-Tiền sự: Ngày 07/10/2021 Nguyễn Văn U bị đồn biên phòng Bắc Sơn thuộc BCH bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh.

- Nhân thân: Tại bản án số 76/2013/HSST ngày 23/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn U 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Ngọc Q - Trợ giúp pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

Bị hại:

1. Ông Dương Viết L, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP D, thị trấn H, huyện P, Thái Nguyên.

Anh Dương Viết t, sinh năm 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: TDP D, thị trấn H, huyện P, Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị C, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: TDP D, thị trấn H, huyện P, Thái Nguyên.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP D, thị trấn H, huyện P, Thái Nguyên.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP D, thị trấn H, huyện P, Thái Nguyên.

Bà Dương Thị T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP D, thị trấn H, huyện P, Thái Nguyên.

Ông Dương Viết L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP D, thị trấn H, huyện P, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22/02/2022, Nguyễn Văn U, sinh năm 1978, trú tổ dân phố D, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên một mình đi bộ từ nhà sang nhà ông Dương Viết L, sinh năm 1975 ở cùng tổ dân phố với U để trộm cắp tài sản. Khi đi U mang theo 01 con dao dài 36,5cm phần chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao

bằng kim loại dài 22,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 8,7cm, trên lưỡi dao có khắc lô gô in dòng chữ “NIỀM TIN HỘI TỤ” cất giấu bên trong túi áo khoác đang mặc, mục đích để khi cần thì sử dụng. Khi đến nhà ông L, U quan sát thấy không có ai để ý, U nhìn thấy trong nhà để xe của gia đình ông L có 03 chiếc xe mô tô và 01 chiếc xe ô tô tải. U liền đi vào nhà xe thì thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS: 20G1-318.18 chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Thấy vậy U dắt chiếc xe này ra sân rồi ngồi lên xe dùng chân đẩy cho xe trôi dốc về dựng ở gốc cây xầu trước cổng nhà U rồi rút chìa khóa xe ra cất vào túi quần. Sau đó, U tiếp tục đi bộ sang nhà ông L dắt tiếp chiếc xe Ariblade BKS: 20G1-529.90 ra sân rồi dùng chân đẩy cho xe trôi dốc về nhà thì bị anh Dương Viết T là con trai của ông L đang tắm trong nhà nghe có tiếng động nên mở cửa chạy ra thì thấy U đang dắt trộm chiếc xe mô tô của nhà mình. Thấy vậy, anh T chạy ra cầm vào phía sau xe mô tô kéo lại làm U bị ngã, xe mô tô đổ ra đường. U đứng dậy bỏ chạy theo đường dân sinh của tổ dân phố D, thị trấn H, anh T đuổi theo U và hô to “Bớ ời”, ông L ở trong nhà nghe thấy tiếng của anh T gọi liền chạy ra và nhặt một đoạn gậy bằng gỗ đuổi theo U. U chạy đến bờ ao thì thấy dao trong người vướng nên U lấy dao ra cầm trên tay và chạy tiếp, khi U chạy đến đoạn đường đê sông Đào gần cổng nhà ông Đào Văn D thuộc tổ dân phố D thì nhìn thấy ông L cầm gậy đuổi theo phía sau, U quay lại cầm dao giơ lên đe dọa thì ông L không đuổi theo nữa. Lúc này, U đi bộ về hướng cầu D rồi vào quán nhà chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987 mua thuốc lá sau đó U đi về nhà. Khi về gần đến cổng nhà mình, U nhìn thấy ông L và một số người đứng ở khu vực ngã ba cách chỗ U khoảng 10 mét, U tiếp tục lấy dao từ trong túi áo giơ lên để mọi người bỏ chạy. Sau đó U đi về đến đoạn cổng nhà thì lấy chiếc chìa khóa của xe mô tô BKS: 20G1-318.18 từ trong túi quần ra ném về phía chỗ ông L đang đứng rồi dắt chiếc xe mô tô BKS: 20G1-318.18 đang dựng ở cổng đi vào trong sân, sau đó vào trong nhà đóng cửa lại. Thấy vậy ông L đã làm đơn trình báo Công an thị trấn H rồi chuyển đến Công an huyện P để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 24/02/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra Quyết định trưng cầu định giá số 21 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P đối với 02 chiếc xe mô tô mà U trộm cắp của nhà ông L. Tại bản kết L định giá tài sản số 11/ KLHĐĐGTS ngày 25/02/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết L: Xe mô tô BKS: 20G1-529.90 có giá trị 24.667.000 đồng. Xe mô tô BKS: 20G1-318.18 có giá trị 10.667.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của hai xe mô tô là 35.334.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn U khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của U là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo; Vật chứng thu giữ; Kết L định giá tài sản; Lời khai của người bị hại; Lời khai của

người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Dream, màu sơn nâu BKS: 20G1-318.18, số khung: 08046Y014689, số máy: HA 08E0864721 và chìa khóa xe; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Ariblade, màu sơn bạc-đen-trắng, BKS: 20G1-529.90, số khung: 631XKZ046704, số máy: JF63E2640156, đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định hai chiếc xe nêu trên thuộc quyền sở hữu của ông Dương Viết L và anh Dương Viết t. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho ông L và anh T quản lý, sử dụng.

01 con dao dài 36,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, màu bạc dài 22,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 8,7cm, trên lưỡi dao khắc lô gô có dòng chữ “NIỀM TIN HỘI TỰ”, phần chuôi dao bằng gỗ dài 14cm đã qua sử dụng. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện P chờ xử lý.

Về phần trách nhiệm dân sự: Ông Dương Viết L và anh Dương Viết t đã nhận lại tài sản bị mất, nên không yêu cầu bị cáo U phải bồi thường gì.

Bản cáo trạng số 52/CT- VKSPB, ngày 21/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn U về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa bị hại là ông L xác định, khi ông nghe thấy T gọi “Bố ơi” ông chạy ra thì U đã chạy đến bờ ao và bỏ lại tài sản, khi ông đuổi theo thì thấy U có lấy dao từ trong người ra và chạy tiếp về đê sông Đào, sau đó U quay lại giơ dao lên, thấy vậy thì chúng tôi chạy bỏ về và báo công an, U không gây thương tích cho ai, ông L đã lấy lại được tài sản.

Bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh L, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U từ 24 đến 30 tháng tù.

Về vật chứng: Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 36,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, màu bạc dài 22,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 8,7cm, trên lưỡi dao khắc lô gô có dòng chữ “NIỀM TIN HỘI TỰ”, phần chuôi dao bằng gỗ dài 14cm đã qua sử dụng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã lấy lại được tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo được miễn án phí HSST (bị cáo thuộc hộ cận nghèo).

Thông báo cho bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh L gì.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với bản cáo trạng mà đại diện VKS truy tố về tội danh, điều luật áp dụng, hình thức cải tạo, hình phạt bổ sung, ý kiến phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội là tội ít nghiêm trọng, tài sản đã trả lại được cho các bị hại, bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, khi chấp hành bản án trước thì mẹ bị cáo mất, nay bố bị cáo đã già mong Hội đồng xét xử khi lượng hình giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và để chăm sóc bố lúc tuổi già. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 24 tháng tù.

Bị cáo nhất trí với đề nghị của người bào chữa.

Lời nói sau cùng, Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an huyện P, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, biên bản ghi lời khai, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết L giám định và các vật chứng khác có trong hồ sơ của vụ án, do đó có đủ căn cứ để khẳng định:

Khoảng 20 giờ ngày 22/02/2022, tại nhà ông Dương Viết L thuộc tổ dân phố D, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn U đã nén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Dream BKS: 20G1-318.18 của ông Dương Viết L có giá trị 10.667.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Ariblade BKS: 20G1-529.90 của anh Dương Viết t có giá trị 24.667.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của 02 chiếc xe mô tô mà U trộm cắp của ông L và anh T là 35.334.000 đồng. Tài sản đã được thu hồi trả lại cho ông L và anh T quản lý, sử dụng và không có yêu cầu đề nghị gì. Hành vi trên của Nguyễn Văn U đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ để kết L Nguyễn Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

... ”.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trị an tại địa phương nên hành vi này phải xét xử bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 BLHS, ngoài ra bị cáo cũng đã từng bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm lại tiếp tục phạm tội, điều này chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, vì vậy phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích thu lời bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng thuộc hộ cận nghèo, vì vậy miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao có kích thước 36,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu bạc dài 22,5cm, phần rộng nhất của dao là 8,7cm, trên lưỡi dao khắc lô gô và dòng chữ “NIỀM TIN HỘI TỰ”, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm đã qua sử dụng.

[8]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời L tội như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp cải tạo đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9]. Xét đề nghị của người bào chữa phù hợp với quy định của pháp luật và tính nhân đạo của Nhà nước nên chấp nhận.

[10]. Về những vấn đề khác trong vụ án: Bị cáo thừa nhận sau khi để lại xe mô tô Ariblade BKS: 20G1-529.90 và bỏ chạy, thấy ông L cầm gậy đuổi theo, khi bỏ chạy do dao để trong người vướng nên bị cáo lấy dao ra cầm ở tay, khi thấy ông L vẫn tiếp tục đuổi đến đê sông Đào thì U quay lại giơ dao lên nhằm mục đích để mọi người không đuổi theo mình nữa, ngoài việc giơ dao lên bị cáo không nói lời nào đe dọa hay có hành động gì khác. Tại phiên tòa ông L cũng khai như vậy, do đó không có căn cứ để xác định bị cáo có hành vi hành hung để tẩu thoát nên không có cơ sở để áp dụng tình tiết định khung.

[11]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn U được miễn án phí HSST sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt Nguyễn Văn U 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, từ ngày 25/02/2022.

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao có kích thước 36,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu bạc dài 22,5cm, phần rộng nhất của dao là 8,7cm, trên lưỡi dao khắc lô gô và dòng chữ “NIỀM TIN HỘI TỰ”, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2021 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án huyện P, tỉnh Thái Nguyên).

7. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn U được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm (Bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn).

8. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại (ông Luân) có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại (anh T), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Cường) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Minh H

